



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /2026/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 12 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2026 và thay thế Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công

tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - NK tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

QUY ĐỊNH

**Phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và
Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực
Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quy định về phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường bao gồm: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Nông nghiệp và Môi trường; các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Phòng Kinh tế đối với Ủy ban nhân dân xã hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp xã).
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp xã.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phương thức phối hợp

- Việc phối hợp được thực hiện thông qua các cuộc họp, hội nghị, trao đổi văn bản hoặc thành lập các đoàn, tổ công tác để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Khi giải quyết các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc Ủy quyền cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.
- Khi giải quyết các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan tham dự thống nhất giải quyết.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 4. Phối hợp trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở.

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

c) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

d) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường từ các xã; phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý, tạo sự thống nhất, đồng bộ, kịp thời trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, liên quan đến các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; viễn thám trên địa bàn xã.

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt

Điều 5. Phối hợp trong phòng, chống dịch bệnh động vật, thực vật và quản lý vật tư nông nghiệp

1. Điều tra, phát hiện, giám sát sinh vật gây hại trên cây trồng

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Xây dựng, chỉ đạo thực hiện hệ thống điều tra, giám sát sinh vật gây hại; tổng hợp, phân tích thông tin, số liệu báo cáo từ cấp xã; tham mưu Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch, công bố hết dịch theo quy định; ban hành và hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật phòng, chống sinh vật gây hại.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại trên địa bàn; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường; phối hợp đề xuất nhu cầu kinh phí, vật tư và nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch.

Chỉ đạo tổ chức điều tra định kỳ, theo dõi, phát hiện, dự tính, dự báo sinh vật gây hại trên cây trồng và nông sản bảo quản trong kho trên địa bàn quản lý; đồng thời theo dõi, đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại đã triển khai, làm cơ sở đề xuất giải pháp phù hợp. Tổng hợp, báo cáo tình hình sinh vật gây hại cây trồng tần suất theo tuần (thứ 3 hàng tuần), tháng (trước ngày 20 hàng tháng), vụ (Đông Xuân trước ngày 15 tháng 6, Mùa trước ngày 20 tháng 11), năm (trước ngày 25 tháng 12); trường hợp phát hiện sinh vật gây hại nguy hiểm hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn, phải báo cáo đột xuất trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi phát hiện.

2. Tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản chỉ đạo, kế hoạch phòng chống dịch bệnh; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch bệnh, công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh động vật; cung ứng, tiếp nhận, bàn giao vắc xin cho các xã, phường triển khai tiêm phòng; đánh giá tình hình dịch bệnh động vật, dự báo và cảnh báo nguy cơ dịch bệnh; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai phòng chống dịch bệnh tại địa phương; hướng dẫn chuyên môn nghiệm vụ việc thực hiện kiểm soát giết mổ động vật; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện phòng, chống dịch bệnh động vật; kinh phí xử lý ổ dịch; thống kê, đánh giá, hỗ trợ thiệt hại cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh theo quy định; quản lý hoạt động của cơ sở giết mổ động vật, hoạt động sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y trên địa bàn.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh gia súc, gia cầm; phun hóa chất vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi; thực hiện kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kiểm tra, xác minh, chẩn đoán, lấy mẫu, điều tra dịch bệnh động vật; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố dịch, công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi cấp xã theo quy định; thực hiện báo cáo cập nhật ổ dịch bệnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Nông nghiệp) trước 16 giờ hàng ngày kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần cho đến khi kết thúc ổ dịch; báo cáo, đề xuất thẩm định điều kiện công bố hết dịch bệnh trên địa bàn.

3. Quản lý vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón hữu cơ và phân bón khác, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực

vật, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, chất xử lý, cải tạo môi trường trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản)

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về buôn bán, sử dụng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý vật tư nông nghiệp hết hạn sử dụng, kém chất lượng theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động buôn bán, sử dụng vật tư nông nghiệp trên địa bàn theo phân cấp và quy định pháp luật; tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất kỹ thuật sử dụng vật tư nông nghiệp đúng kỹ thuật, an toàn, hiệu quả.

Báo cáo đột xuất khi phát hiện cơ sở vi phạm, xảy ra sự cố môi trường, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật, thuốc ngoài Danh mục được phép sử dụng; báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình buôn bán, sử dụng vật tư nông nghiệp trên địa bàn xã.

4. Tổng hợp Báo cáo tiến độ sản xuất nông nghiệp

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Nông nghiệp) tổng hợp báo cáo tiến độ sản xuất và tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng, vật nuôi trên địa bàn toàn tỉnh định kỳ 10 ngày vào các ngày 04, 14 và 24 hàng tháng; 06 tháng (trước 15 tháng 7), hàng năm (trước ngày 25 tháng 12) hoặc đột xuất theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổng hợp báo cáo tiến độ sản xuất và tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Nông nghiệp) định kỳ 10 ngày vào các ngày 04, 14 và 24 hàng tháng; 06 tháng (trước 15 tháng 7), hàng năm (trước ngày 25 tháng 12) hoặc đột xuất.

Điều 6. Phối hợp trong công tác khuyến nông

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả hoạt động khuyến nông của các tổ chức khuyến nông nhà nước và hoạt động khuyến nông của các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp).

Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), hữu cơ, mô hình liên kết chuỗi, tuần hoàn.

Chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Thực hiện công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, giải pháp trước khi ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất.

Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh và các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoạt động khuyến nông.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), hữu cơ, mô hình liên kết chuỗi, tuần hoàn; công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, thông tin tuyên truyền nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, nông dân, người sản xuất.

Định hướng hoạt động khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông doanh nghiệp và hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã.

Điều 7. Phối hợp công tác trong công tác phòng, chống thiên tai

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

Khi xảy ra thiên tai trên địa bàn cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo ngày, báo cáo nhanh, báo cáo kết thúc, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm về tình hình thiệt hại do thiên tai, công tác khắc phục hậu quả, công tác phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, hằng năm. Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 8. Chia sẻ thông tin

1. Thiết lập kênh chia sẻ thông tin giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình sản xuất, phòng chống dịch bệnh, tài nguyên, môi trường để công tác phối hợp đạt hiệu quả.

2. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường và các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ.

Điều 9. Chế độ thông tin báo cáo chung

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tổng hợp gửi báo cáo lĩnh vực nông nghiệp và môi trường định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) chậm nhất vào ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổng hợp, gửi báo cáo lĩnh vực nông nghiệp và môi trường định kỳ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo

Báo cáo định kỳ hàng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ 9 tháng: Thời gian chốt số liệu 9 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.
2. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ, nội dung phối hợp đảm bảo theo quy định; tổng hợp, báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế phù hợp thực tiễn và quy định hiện hành.
3. Định kỳ (06 tháng, 01 năm) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện công tác phối hợp theo Quy chế này; báo cáo kết quả và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp (nếu có).

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.
2. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện bảo đảm các nhiệm vụ, chế độ thông tin, báo cáo theo quy định./.